

Bản án số: 59/2023/DS-PT

Ngày: 22/5/2023

V/v tranh chấp tiền bồi thường đất ruộng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Hồng Thu.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp tiền bồi thường đất ruộng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh Đ; cư trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết X; cư trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/10/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tuấn D; cư trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dũng: Luật sư Võ Hồng N hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV N; địa chỉ: 55 đường H, TP. Q, tỉnh BĐ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BĐ; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Tấn D1; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Tuấn D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết X trình bày:

Ông Lê Minh Đ khởi kiện yêu cầu ông Lê Tuấn D chia số tiền 532.000.000 đồng được nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi thửa ruộng số 304, thuộc tờ bản đồ số 6, diện tích 1.575m² tọa lạc tại Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ cho ông Lê Tấn B được hưởng số tiền 133.000.000 đồng, vì ông Lê Tấn B là người cùng có tên trong sổ nhân khẩu được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cân đối giao quyền sử dụng thửa ruộng số 304. Ông Lê Minh Đ yêu cầu được đại diện ông Lê Tấn B nhận tiền vì ông Đ là em ruột của ông Lê Tấn B đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc ông Lê Tấn B. Do ông Lê Tấn B bị bệnh tâm thần, đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và ông Lê Minh Đ được Tòa án chỉ định là người giám hộ cho ông B.

Bị đơn ông Lê Tuấn D trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thửa ruộng số 304, thuộc tờ bản đồ số 6, diện tích 1.575m² tọa lạc tại Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ là cấp riêng cho hộ gia đình ông gồm 03 thành viên: Lê Tuấn D, Lê Tấn D1, Nguyễn Thị Thanh T chứ không có tên ông Lê Tấn B nên ông không đồng ý chia tiền cho ông B. Riêng thửa ruộng có tục danh Gò Găm 1, mặc dù nhà nước cấp đóm này trong sổ đỏ do ông đứng tên nhưng không phải là của hộ gia đình ông, từ trước đến nay ông không canh tác, hưởng hoa lợi từ thửa ruộng này mà là mẹ ông (Phạm Thị T1 – đã chết) canh tác, khi mẹ mất thì vợ chồng ông Đ, bà X tiếp tục canh tác hưởng hoa lợi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Tuấn D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn D1: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Tuấn D.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/DS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ về việc yêu cầu ông Lê Tuấn D chia số tiền 532.000.000 (năm trăm ba mươi hai triệu) đồng được nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi thửa ruộng số thửa 304 có tục danh Rộc Anh, thuộc tờ bản đồ số 6, diện tích theo giấy chứng nhận 1.575m² tọa lạc tại Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BB cho ông Lê Tấn B.

Buộc ông Lê Tuấn D phải giao trả cho ông Lê Tấn B số tiền 133.000.000 đồng được nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi thửa ruộng số thửa 304 có tục

danh Rộc Anh. Ông Lê Minh Đ là người giám hộ cho ông Lê Tấn B được nhận số tiền này khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, ông Lê Tuấn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Lê Minh Đ.

Luật sư Võ Hồng N trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Tuấn D: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuấn D. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Tuấn D, HĐXX thấy rằng: Thừa ruộng số hiệu 304 có tục danh Rộc Anh, thuộc tờ bản đồ số 6, diện tích 1.575m² tọa lạc tại Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh BD đã được UBND huyện (nay là thị xã) A, tỉnh BD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01228/QSĐĐ/I6 ngày 08/01/2002 cho hộ gia đình ông Lê Tuấn D. Quá trình sử dụng đất đến năm 2020, thì Nhà nước thu hồi thửa đất này để thực hiện Công trình quy hoạch khu dân cư và chợ mới Cảnh Hàng, xã N. Hộ gia đình ông D được nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất với số tiền 532.000.000 đồng. Theo Công văn số: 1527/UBND ngày 22/11/2022 của UBND thị xã A, thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01228/QSĐĐ/I6 ngày 08/01/2002 cấp cho ông Lê Tuấn D đứng tên là cấp đất cho hộ gia đình được cân đối bình quân nhân khẩu được Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất phê duyệt 04 thành viên mà không xác định cụ thể từng nhân khẩu là ai. Tuy nhiên, tại Văn bản số: 490/UBND về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 14/4/2023, UBND thị xã A đã xác định rõ: *Tại thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì hộ gia đình ông Lê Tuấn D có 03 nhân khẩu gồm: Ông Lê Tuấn D (chủ hộ), bà Nguyễn Thị Thanh T (vợ ông Dũng) và ông Lê Tuấn D1 (con ông D).* Theo Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/6/1994, thì hộ ông D gồm 04 nhân khẩu (không xác định được họ tên cụ thể) được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã N xét duyệt cân đối giao quyền cho 04 nhân khẩu (BL: 158) và tại Sổ thống kê danh sách nhân khẩu hộ gia đình do UBND thị xã A cung cấp kèm theo Văn bản số: 490/UBND về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 14/4/2023 thì hộ gia đình ông Lê Tuấn D có số thứ tự là: 189 và có 03 nhân khẩu như trên; hộ gia đình ông Lê Minh Đ có số thứ tự 190 và có 03 nhân khẩu gồm: Ông Lê

Minh Đ, bà Phạm Thị T1 và ông Lê Tấn B (BL: 152). Vì vậy, có đủ căn cứ khẳng định Tại thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì hộ gia đình ông Lê Tuấn D chỉ có 03 nhân khẩu gồm: Ông Lê Tuấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Tấn D1. Ngày 16/3/1994, vợ chồng ông D sinh thêm một người con là Lê An Nh nên trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/6/1994 ông D kê khai hộ gia đình ông có 04 nhân khẩu. Việc ông Dũng kê khai 04 nhân khẩu là phù hợp với thực tế và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm xác định tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất ông Lê Tấn B có tên trong hộ ông Lê Tuấn D và buộc ông Lê Tuấn D phải giao cho ông Lê Tấn B số tiền 133.000.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất là không có căn cứ.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Lê Tuấn D là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Lê Minh Định phải chịu 6.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Tuấn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Tuấn D của Luật sư Võ Hồng N là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuấn D. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2023/LĐ-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ về việc yêu cầu ông Lê Tuấn D phải giao trả cho ông Lê Tấn B 133.000.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh Đ phải chịu 6.650.000 đồng, nhưng được trừ vào 1.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0005253 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A nên ông Lê Minh Đ còn phải nộp 5.000.000 đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tuấn D không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BĐ;
- TAND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thu

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Công Phương

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tịnh, bà Bình và anh Dũng, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Hồng Điệp; Sửa bản án sơ thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thắm Phan Minh Dũng Võ Công Phương

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. An Nhơn;
- CC THADS TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Phương